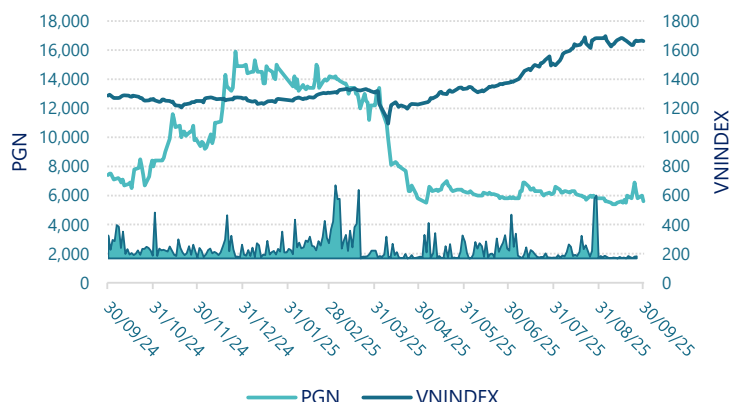


CTCP Phụ Gia Nhựa (HNX: PGN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,400
SL cổ phiếu LH	9,464,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)	212,050
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
P/E	-89.6
EPS	-62

DT thuần

Q3/25

24.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.40 | -15.1%

YoY: ▼28.4 | -53.6%

LN sau thuế

Q3/25

0.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.70 | 293%

YoY: ▲ 0.59 | 170%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.7%

+/- YoY: ▲ 3.8%

DT thuần

9T 2025

93.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼53.7 | -36.5%

LN sau thuế

9T 2025

1.44

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.35 | -48.3%

ROE

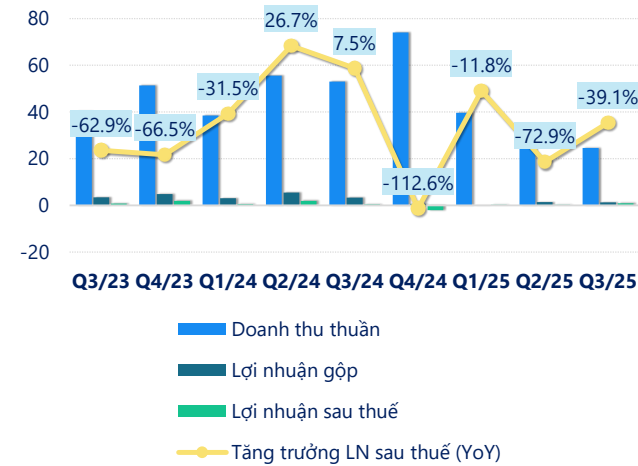
Q3/25

-0.5%

+/- YoY: ▼ 4.9%

tỷ VNĐ

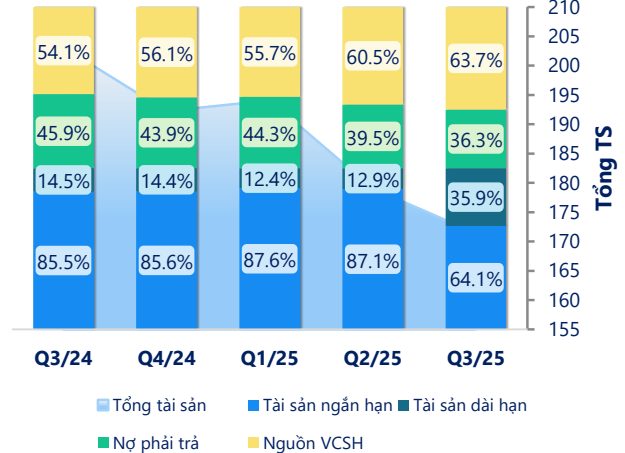
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

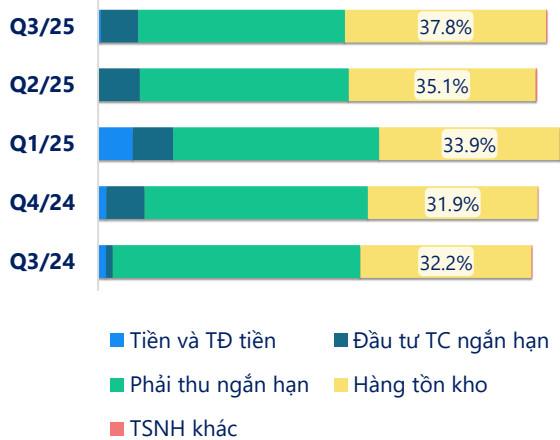
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



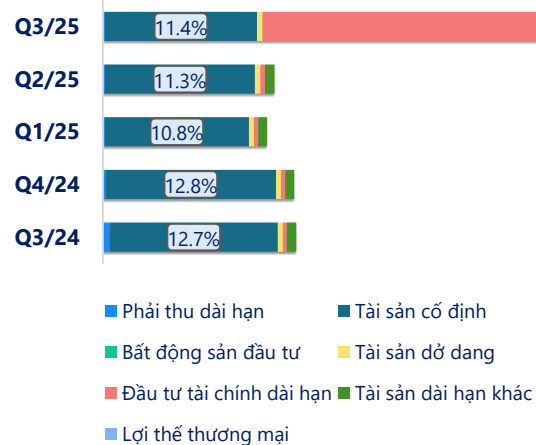
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

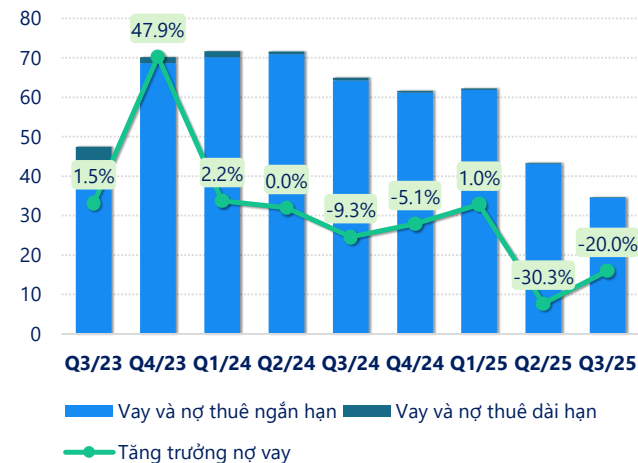
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

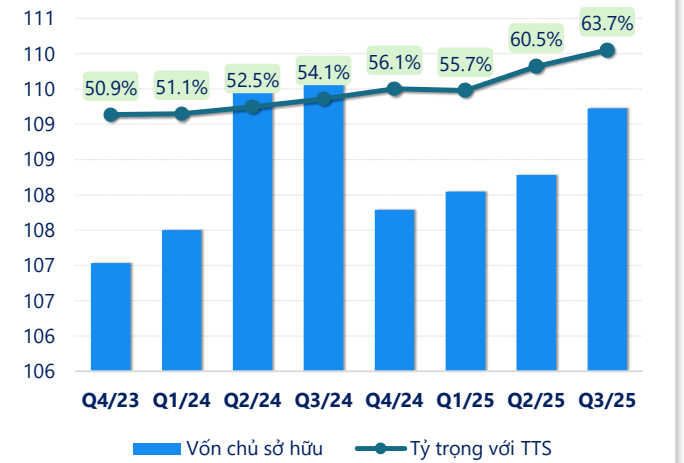
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

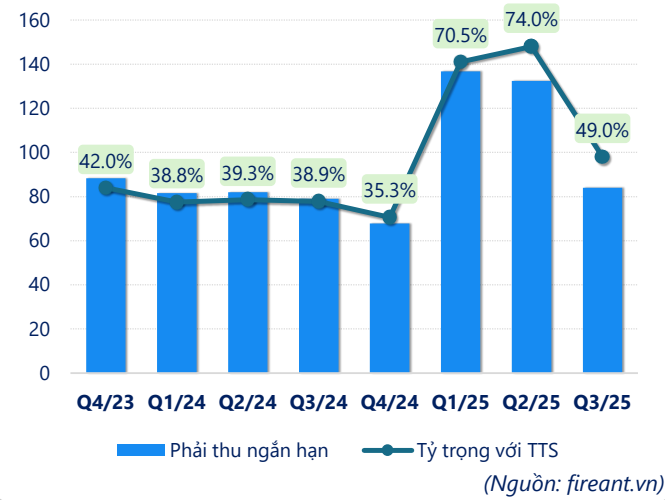
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

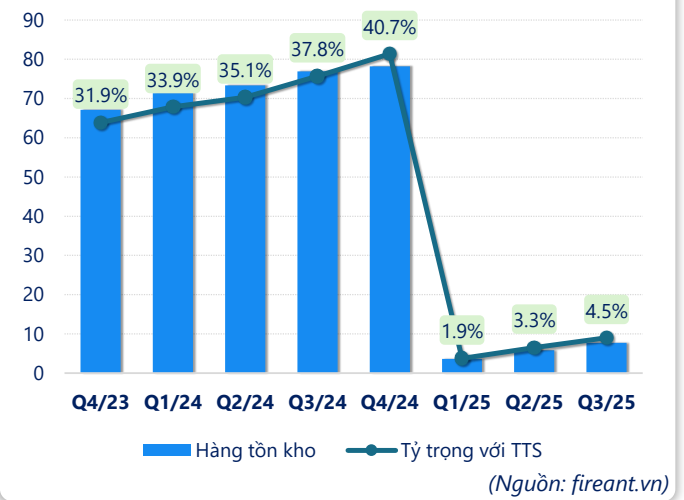


(Nguồn: fireant.vn)

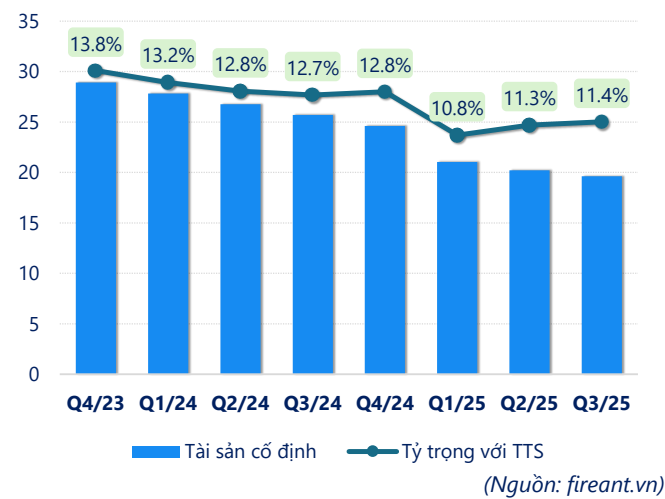
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


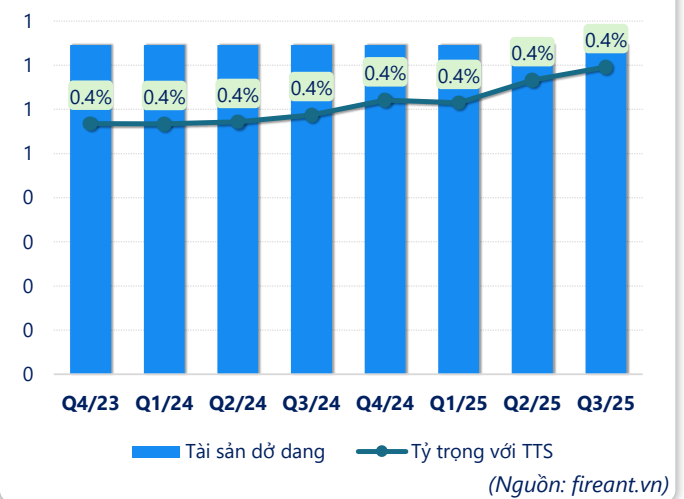
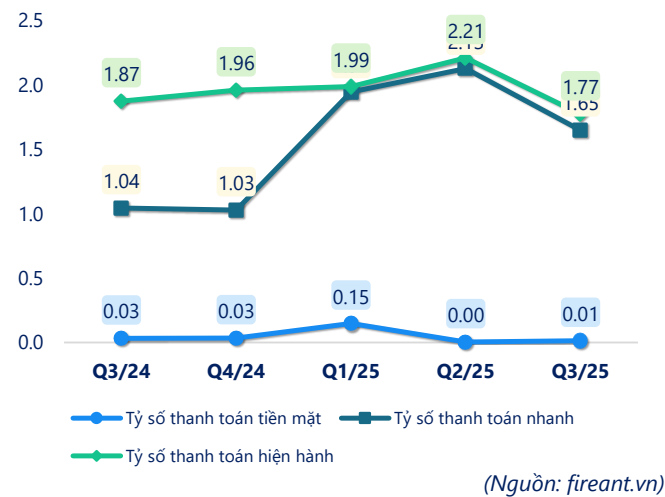
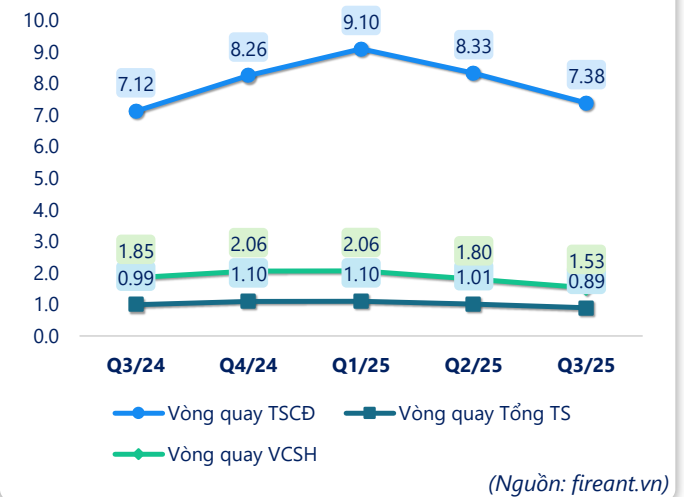
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	203	192	194	179	171
Tài sản ngắn hạn	174	165	170	156	110
Tiền và tương đương tiền	2.98	2.92	12.6	0.27	0.88
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.3	15.4	16.9	17.0	17.0
Phải thu ngắn hạn	79.0	67.9	137	132	84.0
Hàng tồn kho	76.9	78.2	3.64	5.85	7.71
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	0.18	0.11	0.39	0.20
Tài sản dài hạn	29.5	27.7	24.0	23.1	61.5
Phải thu dài hạn	1.01	0.40	0.27	0.26	0.25
Tài sản cố định	25.7	24.6	21.0	20.2	19.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.75	0.75	0.75	0.75	0.75
Đầu tư tài chính dài hạn	0.60	0.60	0.60	0.60	39.7
Tài sản dài hạn khác	1.47	1.30	1.34	1.28	1.23
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	93.3	84.5	86.0	70.8	62.2
Nợ ngắn hạn	92.6	84.0	85.6	70.6	62.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.3	61.2	61.8	43.2	34.5
Phải trả người bán ngắn hạn	23.2	19.5	20.6	24.4	25.7
Nợ dài hạn	0.70	0.44	0.44	0.18	0.18
Vay và nợ thuê dài hạn	0.70	0.44	0.44	0.18	0.18
Nguồn vốn chủ sở hữu	110	108	108	108	109
Vốn chủ sở hữu	110	108	108	108	109
Vốn điều lệ	94.6	94.6	94.6	94.6	94.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)